TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG NHÉ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12/5/2025
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG NHÉ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Văn Thuy
2. Ông Vàng Văn Toàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vi Tố Uyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2025/TLST- HNGĐ ngày 11/4/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giàng Thị D, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Vừ A T, sinh năm 1997; Bản P, xã Ch, huyện M, tỉnh Điện Biên (Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Điện Biên). Vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 15/6/2020 chị D, anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện M, tỉnh Điện Biên, kết hôn tự nguyện, chung sống với nhau được 3 năm thì anh T có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị xét xử theo bản án hình sự sơ thẩm số 87/2023/HS-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Điên Biên, hình phạt là "Tử hình", hiện tại đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Điện Biên. Hiện tại chị D không còn tình cảm với anh T nữa, do anh T phải chịu mức án cao nên chị D không chờ đợi được, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vừ A T.

Về con riêng, con nuôi, con chung: Chị D và anh T không có con riêng, không có con nuôi, không có con chung.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Vừ A T:

Bản tự khai ngày 14/4/2025, bị đơn anh T trình bày về quan hệ hôn nhân thống nhất với nguyên đơn chị D về thời điểm đăng ký kết hôn. Bị đơn khai bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo bản án hình sự sơ thẩm số 87/2023/HS-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Điên Biên, hiện tại đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị đơn anh T bày tỏ quan điểm không đông ý ly hôn; Không có con chung, con riêng, con nuôi; Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã thông báo hợp lệ về việc thụ lý vụ án; được Toà án triệu tập hợp lệ đến làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vắng mặt có lý do (Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Điện Biên), do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định.

Ngày 25/4/2025 Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định xét xử cho các đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị D có mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn anh T vắng mặt, trong xin xét xử vắng mặt bị đơn nêu quan điểm không đồng ý ly hôn; Không có con chung, con riêng, con nuôi; Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử: Chấp hành và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn chị Giàng Thị D. Về án phí, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Dung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại bản P, xã Ch, huyện M, tỉnh Điên Biên, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt của bị đơn:

Bị đơn anh Tùng có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân giữa chị Dung và anh Tùng là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D:

Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử thấy, các đương sự chung sống với nhau được ba năm thì bị đơn anh T bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo bản án hình sự sơ thẩm số 87/2023/HS-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Điên Biên, hiện tại đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Điện Biên. Xét thấy, chị D không duy trì được tình cảm do vợ chồng xa cách, không có nguyện vọng chờ đợi anh T xin ân giảm án tử hình, mục đích của cuộc sống hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Về con riêng, con nuôi, con chung: Các đương sự không có con riêng, không có con nuôi, không có con chung.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ riêng, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị D.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Giàng Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị D được ly hôn với anh Vừ A T.

2. Về con riêng, con nuôi, con chung: Các đương sự không có con riêng, không có con nuôi, không có con chung.

3. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ riêng, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Giàng Thị D.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/5/2025). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án (TAND tỉnh Điện Biên);
- Viện kiểm sát huyện Mường Nhé;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Mường Nhé;
- UBND xã Ch; huyện M;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Nhung